

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:161/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 381/2023/TLST– HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trần Thị L, sinh năm 1980; thường trú: 329b, Phan Văn Khỏe, phường Y, Quận S, Thành phố H; tạm trú: tổ 29B, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Ma Thành Tr, sinh năm 1971; thường trú: 329b, Phan Văn Khỏe, phường Y, Quận S, Thành phố H; tạm trú: tổ 29B, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị L và ông Ma Thành Tr có thời gian quen nhau khoảng 01 năm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường Y, Quận S, Thành phố H.

Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sinh sống và làm việc tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2010, vợ chồng mua đất xây nhà sinh sống tại tổ 29B, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, cho đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Tr cờ bạc dẫn đến nợ nần, không cùng bà L chăm lo gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ly thân khoảng 01 năm. Nay, bà Trần Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Ma Thành Tr.

Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Ma Trần Tuấn Đ, sinh ngày 05/10/2005 và Ma Trần Tuấn P, sinh ngày 16/7/2011. Hiện cháu Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu P thì bà L yêu cầu nuôi dưỡng sau ly hôn và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn ông Ma Thành Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Ma Thành Tr và bà Trần Thị L có thời gian quen nhau khoảng 02 năm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sinh sống tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2008, vợ chồng mua đất xây nhà sinh sống tại tổ 29B, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, cho đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Tr chơi đánh đề dẫn đến nợ nần, không cùng bà L chăm lo gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù, vợ chồng ở chung nhà nhưng đã ly thân khoảng 01 năm. Nay, ông Ma Thành Tr xác định vẫn còn tình cảm với bà Trần Thị L nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Ma Trần Tuấn Đ, sinh ngày 05/10/2005 và Ma Trần Tuấn P, sinh ngày 16/7/2011. Hiện cháu Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý để bà L trực tiếp nuôi cháu Phát và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: ông Ma Thành Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa các phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào qui định của pháp luật xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà Trần Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Ma Thành Tr đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 20/12/2023 và 26/12/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị L và ông Ma Thành Tr là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 18/5/2004 theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01/2004 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Xét thực tế mâu thuẫn giữa bà L và ông Tr đã phát sinh khoảng 02 năm nay, nguyên nhân là do ông Tr chơi đánh đề dẫn đến nợ nần, không cùng bà L chăm lo kinh tế trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ông, bà ly thân khoảng 01 năm. Điều này được chính bà L và ông Tr thừa nhận. Ngày 24/11/2023, Tòa án triệu tập bà L và ông Tr đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc dù ông Tr xác định vẫn còn tình cảm với bà L nên không đồng ý ly hôn nhưng ông Tr không đến. Bà L xác định không còn tình cảm với ông Tr nên yêu cầu ly hôn. Từ những mâu thuẫn trên chứng tỏ cuộc sống hôn nhân bà L và ông Tr không thể kéo dài, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được. Do đó, bà Trần Thị L yêu cầu được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Ma Trần Tuấn Đ, sinh ngày 05/10/2005 và Ma Trần Tuấn P, sinh ngày 16/7/2011. Xét thấy, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Phát sau ly hôn, còn ông Tr có ý kiến trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý để bà L trực tiếp nuôi cháu Phát nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đồng thời cháu Phát có nguyện vọng được ở cùng với bà L. Do đó, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Phát là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Còn cháu Đ đã trưởng thành không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng: bà Trần Thị L tự nguyện không yêu cầu ông Ma Thành Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Trần Thị L và ông Ma Thành Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Ma Thành Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị L được ly hôn với ông Ma Thành Tr (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/5/2004).

- Về con chung: ông Ma Thành Tr có trách nhiệm giao con chung là cháu Ma Trần Tuấn P, sinh ngày 16/7/2011 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị L không yêu cầu ông Ma Thành Tr cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Ma Trần Tuấn Đ, sinh ngày 05/10/2005 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, ông Ma Thành Tr có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con. Bà Trần Thị L không có quyền cản trở ông Ma Thành Tr thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006895 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng Đ hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy

